TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST
Ngày: 29-5-2020
V/v tranh chấp tiền trong hợp đồng mua bán thức ăn gia súc, gia cầm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Công Dịnh
2. Ông Nguyễn Văn Chính

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Phượng Kiều, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020, về việc tranh chấp tiền trong hợp đồng mua bán thức ăn gia súc, gia cầm.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Như Y, sinh năm 1991
Địa chỉ: Ấp 6, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Người đại diện hợp pháp của chị Y: Anh Trương L, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 45 L, khóm M, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 16/10/2019 của chị Y. Anh L có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ (vắng mặt)

3. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị G (vợ ông Đ, vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Th, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trương L trình bày:*

Ngày 19/02/2019, ông Đ có xác nhận nợ chị Y 40 triệu đồng tiền mua thức ăn gia súc, gia cầm. Đồng thời, ông Đ cũng có thỏa thuận thời gian cùng phương thức thanh toán số nợ 40 triệu đồng như sau: Ngày 19/02/2019, ông Đ thanh toán ngay cho chị Y 05 triệu đồng; ngày 19 hàng tháng, ông Đ thanh toán cho chị Y 02 triệu đồng cho đến tháng 7 năm 2020 thì dứt nợ.

Tuy nhiên, ông Đ không thực hiện đúng thỏa thuận như trên mà chỉ thanh toán cho chị Y Đ các khoản sau đây: Ngày 07/3/2019 (nhằm ngày 02/02/2019 âm lịch) trả Đ 1,5 triệu đồng; ngày 20/5/2019 (nhằm ngày 16/4/2019 âm lịch), trả Đ 02 triệu đồng; ngày 09/9/2019 (nhằm ngày 11/8/2019 âm lịch), trả Đ 01 triệu đồng; ngày 20/12/2019

(nhằm ngày 25/11/2019 âm lịch), trả Đ 02 triệu đồng. Tổng số tiền ông Đ trả cho chị Y tính đến ngày 31/12/2019 là 6,5 triệu đồng.

Nay chị Y yêu cầu ông Đ và bà G có nghĩa vụ thanh toán cho chị Y số tiền tạm tính từ ngày 19/02/2019 đến ngày 29/5/2019 là 20.226.702 đồng (25.000.000 đồng (tổng số tiền phải trả theo thỏa thuận từ ngày 19/02/2019 đến ngày 19/12/2019) - 6.500.000 đồng (tổng số tiền ông Đ đã trả) + 966.429 đồng (tổng số tiền lãi tạm tính từ ngày 19/02/2019 đến ngày 31/12/2019) + 760.272 đồng (tổng số tiền lãi tạm tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 29/5/2020).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông L có đơn xin vắng mặt. Bị đơn là ông Đ và vợ là bà G (gọi chung là vợ chồng ông Đ) được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L và vợ chồng ông Đ.

[2] Tuy vợ chồng ông Đ không có văn bản trả lời, nhưng với các tài liệu do phía nguyên đơn cung cấp, xác định được vợ chồng ông Đ có hợp đồng mua thức ăn gia súc, gia cầm với chị Y. Đến ngày 19/02/2019, ông Đ có thỏa thuận thanh toán cho chị Y số tiền 40.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận hợp đồng mua bán thức ăn gia súc, gia cầm giữa các đương sự là có thật và hợp pháp.

[3] Sau khi thỏa thuận, phía ông Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, chỉ thanh toán cho chị Y được 04 lần với tổng số tiền là 6.500.000 đồng. Số tiền cũng như thời điểm thanh toán đều không đúng với thỏa thuận mà hai bên xác lập ngày 19/02/2019. Do đó, chị Y khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ thanh toán khoản tiền vốn chưa trả theo kỳ hạn và khoản tiền lãi là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự được chấp nhận.

[4] Phần nợ gốc vợ chồng ông Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Y được xác định là: 25.000.000 đồng (thỏa thuận thanh toán nợ gốc theo định kỳ tính đến hết tháng 12/2019) – 6.500.000 đồng (số tiền thực tế phía ông Đ thanh toán) = 18.500.000 đồng.

[5] Do các đương sự không có thỏa thuận mức lãi suất chậm trả, nên mức lãi suất được xác định theo Điều 357 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm. Cụ thể, lãi suất chậm trả được xác định theo bảng tính dưới đây:

STT	Số tiền nợ gốc cần tính lãi	Thời hạn tính lãi suất	Số tiền lãi
1.	5.000.000 đ	19/02/2019-07/3/2019 (16 ngày)	21.918 đ
2.	3.500.000 đ (sau khi ông Đ trả 1.500.000đ ngày 07/3/2019)	07/3/2019-20/5/2019 (74 ngày)	70.959 đ
3.	2.000.000 đ (trả theo định kỳ ngày 19/3/2019)	19/03/2019 – 20/5/2019 (62 ngày) Ngày 20/5/2019 là ngày ông Đ trả thêm Đ 02 triệu đồng.	33.973 đ

4.	2.000.000 đ (trả theo định kỳ ngày 19/4/2019)	19/4/2019- 20/5/2019 (31 ngày)	16.986 đ
5.	2.000.000 đ (trả theo định kỳ ngày 19/5/2019)	19/5/2019-20/5/2019 (01 ngày)	548 đ
6.	7.500.000 đ = 3.500.000 đ (2)+6.000.000 đ (3+4+5)-2.000.000 đ (ông Đ trả vào ngày 20/5/2019)	20/5/2019 – 09/9/2019 (112 ngày). Ngày 09/9/2019 là ngày ông Đ trả Đ 01 triệu đồng.	230.137 đ
7.	2.000.000 đ (trả theo định kỳ ngày 19/6/2019)	19/6/2019-09/9/2019 (82 ngày)	44.932 đ
8.	2.000.000 đ (trả theo định kỳ ngày 19/7/2019)	19/7/2019-09/9/2019 (52 ngày)	28.493 đ
9.	2.000.000 đ (trả theo định kỳ ngày 19/8/2019)	19/8/2019-09/9/2019 (21 ngày)	11.507 đ
10.	12.500.000 đ = 7.500.000 đ (6)+6.000.000 đ (7+8+9)-1.000.000 đ (ông Đ trả vào ngày 09/9/2019)	09/9/2019-20/12/2019 (102 ngày)	349.315 đ
11.	2.000.000 đ (trả theo định kỳ ngày 19/9/2019)	19/9/2019-20/12/2019 (92 ngày)	50.411 đ
12.	2.000.000 đ (trả theo định kỳ ngày 19/10/2019)	19/10/2019-20/12/2019 (62 ngày)	33.973 đ
13.	2.000.000 đ (trả theo định kỳ ngày 19/11/2019)	19/11/2019-20/12/2019 (31 ngày)	16.986 đ
14.	2.000.000 đ (trả theo định kỳ ngày 19/12/2019)	19/12/2019-20/12/2019 (01 ngày)	548 đ
15.	18.500.000 đ = 12.500.000 đ (10)+8.000.0000 (11+12+13+14) – 2.000.000 đ ông Đ trả vào ngày 20/12/2019	20/12/2019-29/5/2020 (161 ngày) là ngày xét xử sơ thẩm	816,027 đ
Tổng cộng			1.726.712 đ

[6] Tổng số tiền lãi theo bảng tính nói trên nhiều hơn số tiền lãi theo yêu cầu của chị Y. Do đó, chấp nhận số tiền lãi theo yêu cầu của chị Y xác định là 1.726.702 đồng.

[7] Tổng số tiền vốn và lãi vợ chồng ông Đ phải thanh toán cho chị Y được xác định là: 18.500.000 đồng (nêu ở mục [4] + 1.726.702 đồng (nêu ở mục [6] = 20.226.702 đồng. Trường hợp chậm thanh toán tổng số tiền nói trên, vợ chồng ông Đ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định.

[8] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên vợ chồng ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%. Trả lại cho chị Y khoản tiền nộp tạm ứng án phí.

[9] Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc Đ tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt ông Trương L, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị G.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền mua thức ăn gia súc, gia cầm cho chị Nguyễn Như Y với tổng số tiền là 20.226.702 (hai mươi triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm lẻ hai) đồng.

3. Kể từ ngày chị Y có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông Đ và bà G không chịu thanh toán khoản tiền nói trên, thì hàng tháng, vợ chồng ông Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Ông Đ và bà G phải chịu 1.011.335 (một triệu không trăm mười một ngàn ba trăm ba mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

5. Trả lại cho chị Y khoản tiền nộp tạm ứng án phí 487.000 (bốn trăm tám mươi bảy ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010910 ngày 03/02/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đ nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS nd huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TA nd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế